TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2019/HS-ST
Ngày: 02-4-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*Bà Lê Thị Lệ Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trương Minh Thọ;

- Bà Đỗ Thị Thu Hương.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Loan –Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nguyệt- Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 30/2019/TLST-HS ngày 07 tháng 03 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2019/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 3 năm 2019 đối với các bị cáo:

1.Thái Quốc B; sinh ngày 26 tháng 3 năm 1995; nơi sinh: Lâm Đồng; nơi cư trú: đường N, phường C, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thái Hùng D và bà Nguyễn Thị H (chết); vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam ngày 20/11/2018 đến ngày 18/01/2019 thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lĩnh; hiện đang tại ngoại tại đường N, phường C, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. (Có mặt)

2.Thái Nguyên H, tên thường gọi khác: **U;** sinh ngày 12 tháng 9 năm1994; nơi sinh: Lâm Đồng; nơi cư trú: đường N, phường C, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thái Hùng L và bà Nguyễn Thị T; vợ con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam ngày 20/11/2018 đến ngày 18/01/2019 thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lĩnh; hiện đang tại ngoại tại đường N, phường C, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. (Có mặt)

3.Nguyễn Văn Q, tên thường gọi khác: **T**; sinh ngày 04 tháng 10 năm1994; nơi sinh: Hà Tĩnh; nơi cư trú: Xóm L, xã M, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Lê Thị A; vợ: Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 1993; có 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam

ngày 21/11/2018, hiện đang bị tạm giam tại Nhà giam giữ Công an thành phố Đ. (Có mặt)

-Bị hại:

1. Anh Lê Quang V, sinh năm:1995, nơi cư trú: đường Đ, phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. (Vắng mặt)

2. Chị Võ Lê Cẩm T, sinh năm:1992, nơi cư trú: đường L, phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. (Vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Lê Văn C, sinh năm 1973; nơi cư trú: đường P, phường G, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. (Vắng mặt)

2. Chị Trần Thị Thu T, sinh năm: 1995; nơi cư trú: Tổ H, phường L, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; nơi tạm trú: đường A, phường B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.(Vắng mặt)

3. Anh Võ Văn L, sinh năm 1997; nơi cư trú: đường T, phường E, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lần 1: Vào khoảng 14 giờ 00 ngày 22/5/2018, Thái Quốc B đi bộ ngang qua đường P, phường D, thành phố Đ thì thấy 01 xe mô tô hiệu Honda Air Blade màu đen, biển số 49B1- 590… của anh Lê Quang V dựng trên lề đường trước nhà số 18 có cắm sẵn chìa khóa trên xe và không có người trông coi nên B nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe trên. Quan sát thấy không có ai, B đi đến vị trí chiếc xe, khởi động và chạy xe về đường N, phường C, thành phố Đ cất giấu. Khoảng 16 giờ cùng ngày, B đến bãi xe ở siêu thị Big C tháo trộm 01 biển số xe 49B1-613… của chị Trần Thị Thu T mang về gắn vào chiếc xe B trộm cắp được và sử dụng làm phương tiện đi lại, còn biển số 49B1- 590… thì B vứt vào thùng rác công cộng ở khu vực đường T, phường K, thành phố Đ.

Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô hiệu Honda AirBlade, màu đen đỏ số máy: JF63E1159…, số khung 6307FZ631… có gắn biển số 49B1 – 613….

Bị hại: anh Lê Quang V bị chiếm đoạt 01 xe mô tô hiệu Honda Air Blade, màu đen, biển số: 49B1- 590…., số máy: JF63E1159…, số khung: 6307FZ631…. Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Đ kết luận chiếc xe mô tô nói trên trị giá 51.300.000 (năm mươi mốt triệu ba trăm nghìn) đồng. Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt đã thu hồi và trả lại tài sản cho anh V, anh V không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Lần 2: Vào tháng 10/2018, Thái Quốc B và Thái Nguyên H đi đến nhà thuốc tây K ở đường P, phường B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng mua thuốc. Trong lúc H vào mua thuốc, B đứng ngoài thấy 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda Air Blade, biển số 49E1 – 423… của chị Võ Lê Cẩm T dựng trên lề, chìa khóa còn cắm ở trên xe, B đi đến lấy chìa khóa xe. Khi H ra, B đưa chìa khóa xe vừa lấy trộm được cho H và rủ H trộm

cắp chiếc xe máy của chị T thì H đồng ý, sau đó cả hai qua quán cafe đối diện ngồi chờ sơ hở để lấy chiếc xe nhưng không được nên cả hai đi về. Đến khoảng 15 giờ, ngày 06/11/2018, B chở H đi ngang qua nhà thuốc K thì thấy chị T điều khiển chiếc xe biển số 49E1 – 423… nên chạy theo chờ sơ hở để lấy trộm xe. Khi chị T dựng xe ở lề đường để vào tiệm tạp hóa ở đường T, phường D, thành phố Đ thì B dừng xe lại để H đến vị trí chiếc xe dùng chiếc chìa khóa đã trộm trước đó mở khóa điện nổ máy rồi điều khiển xe của chị T về khu vực hồ T. Sau đó, cả hai kiểm tra trong cốp xe thấy có 01 chiếc điện thoại hiệu Iphone 6S Plus, B lấy điện thoại cất giữ rồi cả hai cất giấu chiếc xe vừa trộm cắp được tại đây và lên trường Đại học Đ lấy trộm 01 biển số xe quay lại gắn vào xe vừa trộm cắp, còn biển số xe 49E1 – 423…, H đem vứt xuống hồ T nên không thu giữ được.

Ngày 07/11/2018, B lên mạng xã hội Facebook vào nhóm *"mua bán xe không giấy tờ"* để rao bán chiếc xe trên thì Nguyễn Văn Q thỏa thuận đồng ý mua xe với giá 10.000.000 (mười triệu) đồng và hẹn ngày 08/11/2018 sẽ từ tỉnh Bình Dương lên thành phố Đ để giao dịch mua bán xe. Đến 13 giờ ngày 08/11/2018, Q lên thành phố Đ và gặp B tại khu vực bến xe liên tỉnh, Q hỏi B *"đã thay biển số chưa",* B trả lời "*thay rồi, cứ thế mà chạy thôi".* Q biết xe do phạm tội mà có nên bán rẻ nhưng vẫn đồng ý mua và đưa 10.000.000 (mười triệu) đồng cho B. Số tiền bán xe được, B chia cho H 5.000.000 (năm triệu) đồng. Sau khi mua chiếc xe, Q điều khiển về phòng trọ ở khu phố E, xã L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cất giấu. Q lên mạng download hình ảnh 01 giấy tờ xe biển số 66G1 – 29883, ghi lại số khung số máy rồi vào "nhóm mua bán giấy tờ giả" tìm người làm giả giấy tờ xe nhưng không làm được. Sau đó, Q bán chiếc xe trên cho một người tên Hùng (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) ở khu vực S, thành phố Hồ Chí Minh với giá 14.800.000 (mười bốn triệu tám trăm nghìn) đồng.

Đến 17 giờ 30 ngày 13/11/2018, Thái Quốc B bán chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus màu vàng đồng của chị T cho anh Võ Văn L với giá 2.600.000 (hai triệu sáu trăm nghìn) đồng, sau đó anh L bán lại cho anh Lê Văn C với giá 2.750.000 (hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng. Quá trình điều tra, anh C đã tự nguyện giao nộp chiếc điện thoại trên cho Cơ quan điều tra.

Vật chứng thu giữ:

- Thu giữ của anh Lê Văn C: 01 điện thoại di động hiệu Ipone 6S Plus màu vàng đồng.

- Thu giữ của Thái Quốc B: 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi note 5, màu vàng đồng, số IMEI 1: 869792038092971, số IMEI 2: 869792038662971.

- Thu giữ của Thái Nguyên H số tiền 2.800.000 (Hai triệu tám trăm nghìn) đồng. H khai đây là số tiền còn lại mà H có được do B chia tiền bán xe trộm cắp của chị Tú.

- Thu giữ của Nguyễn Văn Q: 01 Chứng minh nhân dân số 011948… mang tên Nguyễn Văn L; Số tiền 15.500.000 (mười lăm triệu năm trăm nghìn) đồng. Q khai trong số tiền này có 14.800.000 (mười bốn triệu tám trăm nghìn) đồng là tiền Q có được do Q bán lại cho đối tượng H chiếc xe mua của B, còn lại là tiền của Q; 01 ví da màu đen; 01 mũ bảo hiểm hiệu Indes, màu xanh đen; 01 túi xách màu xanh đen, kích thước 30x50cm đều đã qua sử dụng; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 1280, màu xanh, số IMEI: 355177059313467; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Oppo A3S, màu đỏ, IMEI: 865566043747047 và 865560043747009.

Bị hại: chị Võ Lê Cẩm T bị chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda AirBlade, biển số 49E1 – 423… và 01 chiếc điện thoại di động hiệu Ipone 6S Plus màu vàng đồng. Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Đ xác định chiếc xe mô tô trên trị giá 31.500.000 (ba mươi mốt triệu năm trăm nghìn) đồng, chiếc điện thoại di động Ipone 6S Plus trị giá 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng. Tổng giá trị tài sản chị T bị chiếm đoạt là 46.500.000 (bốn mươi sáu triệu năm trăm nghìn) đồng. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Lạt đã trả lại chiếc điện thoại Ipone 6S Plus cho chị T. Chiếc xe mô tô của chị T không thu hồi được, gia đình bị cáo B và H đã bồi thường khắc phục hậu quả cho chị T số tiền 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng, chị T không có yêu cầu gì thêm và có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo B và H.

Trong vụ án này có anh Võ Văn L và anh Lê Văn C là người mua lại chiếc điện thoại mà hai bị cáo B và H trộm cắp của chị T. Quá trình điều tra xác định khi mua, anh L và anh C đều không biết tài sản do trộm cắp mà có nên không có căn cứ xử lý hình sự. Anh C và anh L không có yêu cầu bồi thường gì.

Chị Trần Thị Thu T là người bị bị cáo B chiếm đoạt 01 biển số 49B1-613…. Chị T đã làm lại biển số xe mới và không có yêu cầu bồi thường gì.

Quá trình điều tra, xác định bị cáo Nguyễn Văn Q sử dụng chứng minh nhân dân tên Nguyễn Văn L là giả nên ngày 04/3/2019 Công an thành phố Đ đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 54/QĐ-XPVPHC đối với Nguyễn Văn Q về hành vi sử dụng chứng minh nhân dân giả.

Cáo trạng số 33/CT-VKS ngày 07/03/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt truy tố các bị cáo Thái Quốc B về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173, bị cáo Thái Nguyên H về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 và bị cáo Nguyễn Văn Q về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Thái Quốc B, Thái Nguyên H và Nguyễn Văn Q đã khai nhận: ngày 22/05/2018, bị cáo B một mình thực hiện hành vi trộm cắp của anh Lê Quang V 01 xe mô tô hiệu Honda Air Blade, biển số 49E1 – 590..., sau đó B thay biển số và sử dụng làm phương tiện đi lại. Đến ngày 06/11/2018, bị cáo B và bị cáo H đã cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp của chị Võ Lê Cẩm T 01 xe mô tô hiệu Honda Air Blade, biển số 49E1 – 423... và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus màu vàng đồng để trong cốp xe. Ngày 07/11/2018, bị cáo B lên mạng xã hội Facebook để rao bán chiếc xe trên. Nguyễn Văn Q biết rõ chiếc xe do trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý mua với giá 10.000.000 (mười triệu) đồng. Sau khi mua chiếc xe, Q lên mạng tìm người làm giả giấy tờ xe nhưng không làm được. Sau đó, Q bán chiếc xe trên cho một người tên H (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) với giá 14.800.000 (mười bốn triệu tám trăm nghìn) đồng. Số tiền bán xe, B chia cho H 5.000.000 đồng, còn 5.000.000 đồng B tiêu xài hết. Ngày 13/11/2018, B bán chiếc điện thoại của chị T cho anh Võ Văn L với giá 2.600.000 (hai triệu sáu trăm nghìn) đồng và tiêu xài hết. Hành vi cụ thể các bị cáo thực hiện như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với các bị cáo, không có nội dung gì thay đổi. Các bị cáo đều thống nhất và không thắc mắc gì về nội dung bản cáo trạng, không thắc mắc khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản, các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng trình bày luận tội và tranh luận đối với các bị cáo: Vì mục đích tư lợi cá nhân, ngày 22/05/2018, Thái Quốc B đã trộm cắp của anh Lê Quang V 01 xe mô tô hiệu Honda Air Blade, biển số 49E1 - 590… trị giá 51.300.000 (năm mươi mốt triệu ba trăm nghìn) đồng. Đến ngày 06/11/2018, B và Thái Nguyên H trộm cắp của chị Võ Lê Cẩm T 01 xe mô tô hiệu Honda Air Blade, biển số 49E1 - 423… trị giá 31.500.000 (ba mươi mốt triệu năm trăm nghìn) đồng và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus màu vàng đồng để trong cốp xe trị giá 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo B chiếm đoạt là 97.800.000 (chín mươi bảy triệu tám trăm nghìn) đồng; Tổng giá trị tài sản bị cáo H chiếm đoạt là 46.500.000 (bốn mươi sáu triệu năm trăm nghìn) đồng. Nguyễn Văn Q biết rõ chiếc xe Air Blade biển số 49E1 - 423… trị giá 31.500.000 đồng là tài sản do trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý mua của B với giá 10.000.000 (mười triệu) đồng sau đó bán lại cho một người tên H với giá 14.800.000 (mười bốn triệu tám trăm nghìn) đồng, thu lợi bất chính 4.800.000 (bốn triệu tám trăm nghìn) đồng. Hành vi của bị cáo B và H thực hiện đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản"; hành vi của bị cáo Q thực hiện đã phạm vào tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng giữ nguyên nội dung cáo trạng truy tố đối với các bị cáo và đề nghị:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự: xử phạt Thái Quốc B từ 24-30 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự: xử phạt Thái Nguyên H từ 15-18 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30-36 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự: xử phạt Nguyễn Văn Q từ 09-12 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Bị hại và người liên quan không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đề cập xem xét. Đề nghị xử lý vật chứng theo quy định.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đều nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đều ăn năn, hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo, các bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên toà, bị hại chị Võ Lê Cẩm T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Thu T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị hại anh Lê

Quang V và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn C, anh Võ Văn L đều vắng mặt không có lý do tuy nhiên xét thấy việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về căn cứ kết tội các bị cáo: Đối chiếu lời khai nhận tội của của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp lời khai của các bị hại và những người tham gia tố tụng khác, kết luận định giá tài sản, vật chứng thu giữ, cùng các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ xác định: Vì mục đích tư lợi cá nhân, lợi dụng sơ hở của bị hại trong việc quản lý tài sản, ngày 22/5/2018, bị cáo Thái Quốc B đã thực hiện hành vi lén lút trộm cắp của anh Lê Quang V 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda Air Blade, màu đen đỏ, biển số: 49B1- 590… trị giá 51.300.000 đồng (năm mươi mốt triệu ba trăm nghìn đồng). Ngày 06/11/2018, bị cáo B tiếp tục cùng với bị cáo Thái Nguyên H thực hiện hành vi lén lút trộm cắp của chị Võ Lê Cẩm T 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda Air Blade, biển số 49E1 - 423… và 01 chiếc điện thoại di động hiệu Ipone 6S Plus có tổng trị giá là 46.500.000 (bốn mươi sáu triệu năm trăm nghìn) đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo B chiếm đoạt là 97.800.000 (chín mươi bảy triệu tám trăm nghìn) đồng; tổng giá trị tài sản bị cáo H chiếm đoạt là 46.500.000 (bốn mươi sáu triệu năm trăm nghìn) đồng. Bị cáo Nguyễn Văn Q biết rõ chiếc xe mô tô hiệu Honda Air Blade, biển số 49E1 - 423… là tài sản do trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý mua của bị cáo B với số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng, sau đó Q bán lại xe cho một người tên H với số tiền 14.800.000 (mười bốn triệu tám trăm nghìn) đồng, thu lợi bất chính 4.800.000 (bốn triệu tám trăm nghìn) đồng. Hành vi của bị cáo Thái Quốc B và Thái Nguyên H thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt đối với bị cáo B quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự, tội phạm và hình phạt đối với bị cáo H quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn Q thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng đã truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của các bị cáo:

Bị cáo B phạm tội 02 lần nên áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là tình tiết tăng nặng đối với bị cáo.

Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo B và bị cáo H đều thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, đã bồi thường khắc phục hậu quả cho chị T, chị T xin giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo nên áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho hai bị cáo B và H. Bị cáo H phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Q thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Q.

[3] Xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy rằng: Các bị cáo đều là người đã thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là hành

vi vi phạm pháp luật hình sự nhưng chỉ vì tư lợi cá nhân mà các bị cáo đã cố ý thực hiện là thể hiện sự liều lĩnh và xem thường pháp luật. Trong vụ án này, bị cáo B và bị cáo H thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm mang tính giản đơn, trước khi thực hiện các bị cáo đều không có sự bàn bạc, phân công cụ thể, cả hai bị cáo đều là người thực hành tích cực, trong đó bị cáo B là người rủ rê, lôi kéo và là người trực tiếp giao dịch bán tài sản trộm cắp và hưởng lợi nhiều hơn nên vai trò của bị cáo B là cao hơn bị cáo H, ngoài ra bị cáo B còn thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần với giá trị tài sản chiếm đoạt lớn nên hình phạt đối với bị cáo B là nghiêm khắc hơn. Bị cáo Q mặc dù biết rõ hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có của mình sẽ gây khó khăn cho việc phát hiện, điều tra xử lý người phạm tội nhưng chỉ vì hám lợi mà bị cáo vẫn cố ý thực hiện, tuy bị cáo Q phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng xét thấy việc bị cáo bị phát hiện, bắt giữ là khi bị cáo tiếp tục lên thành phố Đà Lạt để chuẩn bị thực hiện hành vi tiêu thụ tài sản trộm cắp là thể hiện thái độ liều lĩnh, xem thường pháp luật của bị cáo nên phải xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc. Hành vi của bị cáo B, H và Q thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Căn cứ vào tính chất hành vi phạm tội, vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của từng bị cáo, xét thấy cần cách ly bị cáo B và bị cáo Q ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, cải tạo riêng đối với hai bị cáo và phòng ngừa chung. Đối với bị cáo H phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục cải tạo riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo tài liệu chứng cứ và lời khai của các bị cáo B, H và Q tại phiên toà và tài liệu thu thập có trong hồ sơ thể hiện các bị cáo đều không có việc làm, không có thu nhập, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với ba bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại, người có quyền lợi và liên quan không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đề cập xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Xét thấy:

- 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi note 5, màu vàng đồng thu giữ của bị cáo B và 01 chiếc điện thoại di động hiệu Oppo A3S, màu đỏ thu giữ của bị cáo Q, tại phiên toà cả hai bị cáo khai nhận đã sử dụng hai chiếc điện thoại này để liên lạc mua bán xe trộm cắp nên tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Số tiền 2.800.000 (Hai triệu tám trăm nghìn) đồng thu giữ của bị cáo H là tiền bị cáo có được do phạm tội nên tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Số tiền 15.500.000 (mười lăm triệu năm trăm nghìn) đồng thu giữ của bị cáo Q, trong đó 10.700.000 (mười triệu bảy trăm nghìn) đồng là tiền của bị cáo nên trả lại cho bị cáo. Còn lại số tiền 4.800.000 (bốn triệu tám trăm nghìn) đồng là tiền bị cáo thu lợi bất chính nên tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

- 01 biển số 49B1 – 613… không còn giá trị sử dụng (do chị Trần Thị Thu T đã làm lại biển số mới) và 01 Chứng minh nhân dân số 011948… mang tên Nguyễn Văn L là giấy tờ giả nên tịch thu tiêu huỷ.

- 01 ví da màu đen; 01 mũ bảo hiểm hiệu Indes, màu xanh đen; 01 túi xách màu xanh đen, kích thước 30x50cm; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 1280, màu xanh là tài sản của bị cáo Q không sử dụng vào việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo Q.

[8] Trong vụ án này có anh Võ Văn L và anh Lê Văn C là người mua lại chiếc điện thoại mà bị cáo B và bị cáo H trộm cắp của chị T. Quá trình điều tra xác định khi mua, anh L và anh C đều không biết tài sản do trộm cắp mà có nên không có căn cứ xử lý hình sự.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Tuyên bố: Các bị cáo Thái Quốc B và Thái Nguyên H phạm tội "Trộm cắp tài sản"; bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự: Xử phạt Thái Quốc B 24 (hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, được trừ vào thời hạn tạm giam từ ngày 20/11/2018 đến ngày 18/01/2019.

2.2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt Thái Nguyên H 15 (mười lăm) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng kể từ ngày tuyên án.

Trong thời gian thử thách, giao bị cáo Thái Nguyên H cho Ủy ban nhân dân phường 3, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục bị cáo. Gia đình bị cáo H có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Toà án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.3. Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt Nguyễn Văn Q 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/11/2018.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu của bị cáo Thái Quốc B 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi note 5, màu vàng đồng, số IMEI 1: 869792038092…, số IMEI 2: 869792038662…; tịch thu của bị cáo Nguyễn Văn Q 01 chiếc điện thoại di động hiệu Oppo A3S, màu đỏ, IMEI: 865566043747… và 865560043747… và số tiền 4.800.000 (bốn triệu tám trăm nghìn)

đồng; tịch thu của bị cáo Thái Nguyên H số tiền 2.800.000 (Hai triệu tám trăm nghìn) đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Q: số tiền 10.700.000 (mười triệu bảy trăm nghìn) đồng; 01 ví da màu đen, đã qua sử dụng; 01 mũ bảo hiểm hiệu Indes, màu xanh đen, đã qua sử dụng; 01 túi xách màu xanh đen, kích thước 30x50cm, đã qua sử dụng; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 1280, màu xanh, số IMEI: 355177059313...

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 biển số xe 49B1 - 613… và 01 Chứng minh nhân dân số 011948… mang tên Nguyễn Văn L.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/3/2019 và biên lai thu tiền số AA/2017/0001… ngày 08/3/2019 giữa Cơ quan điều tra Công an thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng với Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Các bị cáo Thái Quốc B, Thái Nguyên H, Nguyễn Văn Q, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.Các bị hại và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Lâm Đồng;
- VKS tỉnh Lâm Đồng;
- VKS TP. Đà Lạt;
- Công an TP. Đà Lạt;
- THADS TP. Đà Lạt;
- Sở tư pháp Lâm Đồng;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- BP theo dõi THA phạt tù;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thị Lệ Quyên